

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 734/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 25/9/2025.

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Đình Lãng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Lộc;

2. Ông Phạm Minh Khiết.

Thư ký phiên tòa: Bà Lương Châu Nguyệt Thiện - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 1702/2024/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 12 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 427/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 573/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 08 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thanh S, sinh ngày: 01/04/1980; Căn cước công dân số: xxxxxxxxx502, do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 15/8/2022;

Nơi thực tế cư trú, sinh sống: Số 76, đường LK1-6, phường BTĐ, Thành phố Hồ Chí Minh. (Bà S có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Ông Đoàn Văn V, sinh ngày: 01/01/1980; Chứng minh nhân dân số: xxxxxx841, do Công an tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 24/01/2019;

Nơi thường trú: thôn M, xã PC, huyện PD, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là phường PD, thành phố Huế); Nơi thực tế cư trú, sinh sống: số 76, đường LK1-6, phường BTĐ, Thành phố Hồ Chí Minh. (Ông V vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn của bà Lê Thị Thanh S và bản tự khai của đương sự cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Nguyên đơn bà Lê Thị Thanh S trình bày: Bà và ông Đoàn Văn V tự nguyện đăng ký kết hôn và đã được UBND xã PC, huyện PD, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là phường PD, Thành phố Huế) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 52/2022, ngày 23/08/2022. Sau nhiều năm chung sống hạnh phúc, đến năm 2023 vợ, chồng bà phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng trong quan điểm sống về tình cảm và kinh tế. Hai vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc nhau. Do mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông V.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà và ông V không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, trong đơn bà S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thành phố HỒ CHÍ MINH phát biểu ý kiến và kết luận: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền, thủ tục tố tụng; Về thời hạn chuẩn bị xét xử: chưa đảm bảo đúng thời hạn xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự; Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Thanh S; Về con chung: Không có; Về tài sản chung, nợ chung đề nghị ghi nhận bà S không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết:

Xét đơn xin ly hôn của bà S, cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, có cơ sở xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc “Tranh chấp ly hôn”; Bị đơn ông Đoàn Văn V có nơi cư trú tại số 76, đường LK1-6, phường BTĐ, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tổ tụng dân sự 2015 và khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tổ tụng dân sự, luật Tổ tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại tòa án năm 2025.

[2] Về thủ tục tố tụng:

2.1 Vụ án không tiến hành hòa giải được do bị đơn vắng mặt mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp với quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2.2 Tại phiên tòa, bà Lê Thị Thanh S có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Đoàn Văn V vắng mặt không có lý do, căn cứ vào khoản 1, Điều 228 và điểm b, khoản 2, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà S, ông V là đúng quy định.

[3] Về yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Thanh S với ông Đoàn Văn V:

3.1 Căn cứ theo Giấy chứng nhận kết hôn số 52/2022, ngày 23/08/2022 của UBND xã PC, huyện PD, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là phường PD, thành phố Huế) cấp và lời khai của nguyên đơn về việc tự nguyện kết hôn thì có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà S và ông V là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

3.2 Xét lời khai của bà S có trong hồ sơ vụ án có căn cứ xác định giữa bà S và ông V từ năm 2023 đến nay đã phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng trong đời sống vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, bà S không còn muốn tiếp tục quan hệ hôn nhân với ông V nữa. Mặt khác trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông V vẫn không có mặt tại Tòa và không đưa ra phương án hòa giải mâu thuẫn gia đình, chứng tỏ ông V không còn muốn hàn gắn quan hệ hôn nhân với bà S. Do đó căn cứ quy định tại Điều 56 Luật

Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Thanh S.

[4] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Cần ghi nhận bà S khai nhận giữa bà và ông V không có con chung.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà S không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án buộc bà Lê Thị Thanh S chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí do bà Lê Thị Thanh S đã nộp theo biên lai thu tiền số 0048805 ngày 27/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh). Bà Lê Thị Thanh S đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại tòa án năm 2025.

Căn cứ Điều 19; khoản 1, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Thanh S đối với ông Đoàn Văn V.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Thanh S được ly hôn với ông Đoàn Văn V.

Giấy chứng nhận kết hôn số 52/2022, ngày 23/08/2022 của UBND xã PC, huyện PD, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là phường PD, thành phố Huế) cấp cho bà Lê Thị Thanh S và ông Đoàn Văn V không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Không có.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Buộc bà Lê Thị Thanh S nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được căn trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí bà Lê Thị Thanh S đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0048805 ngày 27/12/2024 của của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh). Bà Lê Thị Thanh S đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự thi hành án tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND KV9-TP Hồ Chí Minh;
- THADS TP Hồ Chí Minh;
- UBND thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Đình Lăng